**BẢN GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ Hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

***Cập nhật: Đến ngày 28/8/2025, 36 đơn vị gửi Văn bản góp ý***

- Các cơ quan thống nhất nội dung (20 đơn vị): (1) UBND các tỉnh: Vĩnh Long; Bến Tre; Kon Tum. (2) Các Sở NN&MT: Sơn La; Hà Giang; Hải Dương; Cao Bằng; Cà Mau; Bắc Kạn; Bạc Liêu; Lâm Đồng; Thái Nguyên; Tiền Giang; Trà Vinh; Hưng Yên; Phú Thọ; Khánh Hòa; Bắc Ninh; Tuyên Quang; Lào Cai.

- Góp ý của các Bộ: Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính.

- Góp ý của UBND hoặc Sở NN&MT: (1) UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội; Nghệ An; Thanh Hóa. (2) Các Sở NN&MT: Đà Nẵng; Hải Phòng; Quảng Bình; Thái Bình; Bình Dương; Đăk Lắk; Hậu Giang; Đồng Nai.

- Các đơn vị trực thuộc Bộ góp ý (2 đơn vị): Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường; Thanh tra Bộ.

- Các đơn vị khác:

| **Dự thảo lấy ý kiến**  (Điều khoản) | **Dự thảo trình ban hành**  (Điều khoản) | **Ý kiến góp ý** | **Cơ quan góp ý** | **Ý kiến Cục Môi trường** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Những vấn đề chung, quy định chung** | | | | |
| Căn cứ pháp lý |  | Bổ sung thêm các căn cứ pháp lý:  - Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.  - Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.  - Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.  - Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.  - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.  - Cơ quan soạn thảo là Bộ Nông nghiệp và Môi trường.  - Thống nhất sử dụng thuật ngữ "CTRSH" trong toàn bộ Thông tư. | UBND thành phố Hà Nội; Các Sở NN&MT: Quảng Bình, Đồng Nai, Hải Phòng, Thái Bình, Hậu Giang, Đăk Lắk.  Bộ Tài chính. | Tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*sau đây gọi là Thông tư*) |
| Điều 1 |  | Khoản 3 Điều 93 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025):  Trong trường hợp cần thiết, các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ điều kiện đặc thù (nếu có) của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý hướng dẫn nội dung về chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội, khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, chỉ số đánh giá chất lượng, thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; nội dung hợp đồng dự án và các nội dung cần thiết khác.  Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác định nội dung cần hướng dẫn tại Thông tư cho phù hợp với quy định nêu trên. | Bộ Tài chính | Nội dung này đã quy định rõ tại Điều 5 của Dự thảo Thông tư  Giải trình: Đề nghị áp dụng căn cứu theo quy định của Luật PPP và các Nghị định có liên quan |
|  |  | Để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, ban hành quy định làm rõ công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt nào sẽ áp dụng phương thức PPP theo Luật PPP, công trình nào thuộc trường hợp áp dụng Luật Đấu thầu và Nghị định số 115/2024/NĐ-CP để lựa chọn nhà đầu tư. | Bộ Tài chính | Phạm vi của Thông tư này chỉ hướng dẫn việc thực hiện dự án PPP trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  Về việc lựa chọn hình thức đầu tư (Đầu tư công/PPP/đầu tư tư nhân) đối với từng dự án sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư, đấu thầu và lựa chọn của UBND cấp tỉnh. Việc lựa chọn này có thể căn cứ vào lợi thế của đầu tư PPP/Đầu tư công/đầu tư tư nhân đối với từng dự án cụ thể. Điều này cũng phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 71/2025/NĐ-CP, theo đó quy định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP sẽ thuyết minh về lợi thế của dự án PPP so với các hình thức đầu tư khác. |
| Điều 2 |  | - Điều 2 dự thảo Thông tư, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Hướng dẫn này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt” thành “Hướng dẫn này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt”. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Tiếp thu (bỏ chữ hoạt động bị thừa) |
| Khoản 1 Điều 3 |  | Tại Khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư có nêu “Dự án PPP lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt là dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP)”. Tuy nhiên, tại Điều 2 dự thảo Thông tư xác định đối tượng áp dụng là “lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt”. Do đó, đề nghị thống nhất đối tượng áp dụng. | UBND tỉnh Thanh Hóa;  Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Tiếp thu, chỉnh sửa như sau: “Dự án PPP lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt là dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động liên quan đến xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP)” |
|  |  | - Xem xét bổ sung trường hợp kêu gọi đầu tư theo phương thức xã hội hóa 100%.  - Tại Điều 2. Đối tượng áp dụng, bổ sung áp dụng đối với hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH. | Sở NN&MT Quảng Bình | Đề nghị giữ nguyên; dự thảo thông tư này chỉ áp dụng cho xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức PPP, không áp dụng cho các hình thức đầu tư khác. XHH được hướng dẫn bởi Luật Đấu thầu |
| - Khoản 3, Điều 3 |  | - Khoản 3, Điều 3: Xem xét bổ sung điều kiện về quy mô dự án có thể áp dụng phương thức PPP theo Điều 2 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bao gồm các lĩnh vực thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải. Theo đó, quy mô dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên có thể được xem xét. | Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường | - Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15: Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 (Luật sửa đổi 4 Luật) đã bãi bỏ quy định quy mô tối thiểu của dự án. |
| Khoản 3 Điều 3 |  | Quy định các nội dung cần phân tích, đánh giá về lợi thế của việc lựa chọn phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác. | Bộ Tài chính | Đề xuất không quy định trong dự thảo Thông tư do Nghị định 71/2025/NĐ-CP đã có quy định chi tiết về các nội dung cần phân tích, đánh giá về lợi ích của việc lựa chọn phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác (Mẫu FS).  Cụ thể, Nghị định 71/2025/NĐ-CP đã quy định các nội dung sau khi phân tích lợi thế của đầu tư PPP:  - Khả năng thu hút nguồn vốn;  - Công nghệ áp dụng;  - Kinh nghiệm quản lý, vận hành của khu vực tư nhân;  - Chất lượng dịch vụ cung cấp;  - Rủi ro về quản lý hợp đồng;  - Các yếu tố khác của khu vực tư nhân và nhà nước (nếu có). |
|  |  | Làm rõ quy định “Cơ quan chuyên môn về xây dựng trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt”…..  “Cơ quan chuyên môn về xây dựng trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt” có được hiểu là “cơ quan chuyên môn về xây dựng” thuộc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-Cp ngày 30/12/2024 của Chính phủ | UBND tỉnh Thanh Hóa | - Cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định được quy định tại khoản 13 Điều 3 Luật XD 2014, sửa đổi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020: “13. *Cơ quan chuyên môn về xây dựng* là cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.”  - Khoản 26 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020: “26. Bổ sung Điều 83a vào sau Điều 83 như sau:  **“****Điều 83a. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng**  1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này đối với các công trình xây dựng sau:  a) Công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công;  b) Công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc dự án có quy mô nhóm B trở lên hoặc công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;  c) Công trình, xây dựng thuộc dự án PPP;  d) Công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.  2. Đối với công trình xây dựng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và công trình xây dựng thuộc dự án PPP thành phần sử dụng vốn đầu tư công, nội dung thẩm định thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm:  a) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế;  b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định;  c) Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật này;  d) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng;  đ) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường;  e) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.  3. Đối với công trình xây dựng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và công trình xây dựng thuộc dự án PPP không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 2 Điều này.”. |
| **Chương II. Nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi** | | | | |
|  |  | Theo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) quy định quy trình dự án PPP, như sau: lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT), sau đó mới đến lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT).  Theo Dự thảo Thông tư quy định nội dung chung cho cả BCNCTKT, BCNCKT là không phù hợp. Do đó, tại Chương II cần phân định rõ nội dung nào đưa vào BCNCTKT, nội dung nào đưa vào BCNCKT. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật PPP quy định rõ:  1. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.  2. Báo cáo nghiên cứu khả thi là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án PPP, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.  Như vậy, BCNCKT chỉ là báo cáo chi tiết các nội dung của BCNCTKT. Do đó, trong dự thảo Thông tư không cần nêu lại quy định này. |
|  |  | Nhiều nội dung của dự thảo Thông tư như hướng dẫn xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư; mẫu hợp đồng dự án PPP… đã được quy định tại Luật Đầu tư PPP, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu … và các văn bản hướng dẫn thi hành  Làm rõ căn cứ pháp lý việc ban hành thông tư; rà soát và viện dẫn các quy định liên quan để tránh trùng lặp, đảm bảo tính thực thi của văn bản | Bộ Công Thương | Đã bổ sung căn cứ thực hiện tại Tờ trình ban hành Thông tư và căn cứ pháp lý của dự thảo Thông tư. |
|  |  | Khoản 3 Điều 3 và khoản 2 Điều 5: cần rà soát để đảm bảo tính chặt chẽ của văn bản quy phạm pháp luật.  - Trình bày lại Phụ lục hợp đồng đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; rà soát, chỉnh sửa, trình bày lại thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. | Bộ Công Thương  Sở NN&MT tỉnh Bình Dương | - Tiếp thu.  Đã bổ sung “2. Điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật PPP và Điểm a Khoản 7 Điều 3 Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024”.  Đã cập nhật theo Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024. Cụ thẻ “Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án thực hiện theo quy định tại mục mẫu số 01 Phụ lục I tại Điểm b Khoản 35 Điều 1 Nghị định 71/2025/NĐ-CP.” |
| Điểm a, Khoản 2, Điều 5 |  | - Điểm a, Khoản 2, Điều 5: Về lợi ích kinh tế - xã hội của dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), đề xuất bổ sung các lợi ích có thể quy đổi thành tiền, chẳng hạn như giảm chi phí xử lý CTRSH, tiết kiệm chi phí thuê nhân công xử lý… | Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và môi trường | Giải trình:  Thông số này được xây dựng trong thuyết minh dự án, cụ thể là phân tích hiệu quả tài chính của dự án. Nên không cần yêu cầu cụ thể trong thông tư |
| Điều 6 |  | - Tên Điều 6: Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư vào dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tuy nhiên nội dung chỉ gồm: Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư vào dự án. Đề nghị rà soát lại tên Điều 6 đảm bảo thống nhất với nội dung quy định. | Bộ Tài chính | - Tiếp thu |
|  |  | - Về lãi huy động vốn chủ sở hữu (khoản 1 Điều 6): Lãi vay huy động vốn đầu tư được xác định tại thời điểm gần nhất trong vòng 03 tháng trước thời điểm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; Không có thuyết minh cơ sở để xác định thời gian 3 tháng; việc xác định thời điểm gần nhất trong khi thời gian chuẩn bị đầu tư là tương đối dài vượt quá 03 tháng đễn đến việc đơn vị chuẩn bị dự án phải đi thu thập lại lãi vay tham khảo, sẽ làm tăng thủ tục….  Đề nghị không quy định cụ thể thời điểm tham khảo lãi vay huy động vốn vay.  Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tham khảo lãi vay đảm bảo phfu hợp với quy định tại Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị định sửa đổi, bổ sung (nếu có). |  | Tiếp thu. |
|  |  | - Về lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (khoản 2 Điều 6)  a) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối đa không vượt quá mức chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (i) quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu không thấp hơn lãi vay huy động vốn đầu tư (iv) quy định tại khoản 1 Điều này.  Hồ sơ đính kèm không có nội dung thuyết minh cơ sở đưa ra mức tối thiểu, tối đa nêu trên. Đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh tại hồ sơ xây dựng Thông tư để xem xét tính khả thi khi xác định mức tối đa, tối thiểu nêu trên và tham khảo kinh nghiệm quốc tế.  Cần đánh giá, tổng kết các dự án trước đây thuộc lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã thực hiện.  Đồng thời, cân nhắc việc quy định lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu chỉ căn cứ vào chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và lãi vay huy động vốn đầu tư, bởi ngoài 2 chỉ tiêu này thì lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu còn phụ thuộc vào kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của các dự án có tính chất tương đồng trong cũng lĩnh vực |  | Tiếp thu, bỏ Khoản 2 Điều 6, do các lý do sau:  1.Nhà đầu tư dự án PPP xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn dựa nếu đưa ra mức giá xử lý rác thấp nhất trong khi đảm bảo đáp ứng các điều kiện cố định của bài thầu, gồm:  a.TMĐT cố định;  b.Thời gian thực hiện dự án cố định;  c.Công nghệ và phương án kỹ thuật cố định;  Do đó, việc cố định thời gian thực hiện dự án theo PATC xây dựng tại BCNCKT đã đảm bảo tránh việc NĐT thu lợi bất hợp lý từ dự án công ích, do đó, việc đưa ra khung lợi nhuận trên vốn CSH là không cần thiết.  2. Trường hợp quy định về công thức tính Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (ROE) = Lợi nhuận ròng / Vốn chủ sở hữu) như một số Thông tư của Bộ Giao thông, ví dụ:  *“2. Căn cứ quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù của dự án, đơn vị chuẩn bị dự án lập mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo trong khung lợi nhuận sau đây:*  *a) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối đa không vượt quá mức chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (i) quy định tại khoản 1 Điều này;*  *b) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu không thấp hơn lãi vay huy động vốn đầu tư (iv) quy định tại khoản 1 Điều này.”*  Thì việc này cũng gặp nhiều kho khắn do: Cần làm rõ ROE dùng để so sánh với chi phí sử dụng vốn CSH là: ROE hằng năm; hay ROE trung bình cả vòng đời dự án? Nếu sử dụng ROE hằng năm, khi dự án chưa đạt công suất tối đa trong những năm đầu, doanh thu có thể chưa đủ để bù đắp chi phí, dẫn đến lợi nhuận ròng âm. Điều này khiến ROE âm, và ROE không thể lớn hơn lãi vay huy động vốn đầu tư như quy định đối với khung lợi nhuận. |
| Điều 7 |  | - Điều 7: Xem xét bổ sung các chỉ số đánh giá công nghệ, chất lượng công trình, cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ xử lý CTRSH. | Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và môi trường | Đề nghị giữ nguyên; nội dung này đã được thể hiện trong khoản 1 Điều 7 của dự thảo Thông tư. |
| Khoản 1 Điều 7 |  | - Đề nghị bổ sung yêu cầu máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ cần có công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại phần B Phụ lục I Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng  Sở NN&MT tỉnh Nghệ An | - Tiếp thu, bổ sung tại điểm f |
| - Đề nghị bổ sung yêu cầu công nghệ xử lý đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định; khuyến khích công nghệ tiết kiệm diện tích sử dụng đất. | - Tiếp thu, bổ sung tại điểm b |
| - Tại Điểm b có nêu “Công nghệ….khuyến khích áp dụng tại Việt Nam theo quy định hiện hành (công nghệ đốt thu hồi năng lượng phải phân loại hoặc không phải phân loại chất thải rắn sinh hoạt, hoặc phương án kết hợp các công nghệ cùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt: ủ, đốt, chôn lấp) và nhà đầu tư (sau đây gọi là NĐT) tự chịu trách nhiệm với phương án đề xuất cho từng loại công nghệ”.  Tuy nhiên tại điểm đ có nêu “Dây chuyền công nghệ phù hợp với sơ đồ công nghệ tổ hợp: phân loại - xử lý các thành phần chất thải rắn sau phân loại - xử lý chất thải thứ cấp”.  Đề nghị thống nhất nội dung điểm b và điểm đ, trong đó xem xét không bắt buộc phân loại tại cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt vì Luật Bảo vệ môi trường đã quy định phân loại chất thải tại nguồn phát sinh. | Tiếp thu sửa đổi như sau: “Dây chuyền công nghệ phù hợp với sơ đồ công nghệ tổ hợp: Tỷ lệ chất thải đem chôn lấp (kể cả phần tro xỉ sau đốt): ≤ 10 % tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến nhà máy”.  - Chỉnh sửa nội dung điểm b và điểm đ, trong đó xem xét không bắt buộc phân loại tại cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt. |
| - Đề nghị làm rõ chỉ số để đánh giá “công nghệ hiện có tốt nhất” được nêu tại Điểm f Khoản 1 Điều 7 | *Tiếp thu một phần, đề nghị bỏ* “công nghệ hiện có tốt nhất” do chưa có hướng dẫn BAT cho xử lý CTRSH |
| Điều 7 |  | Dự thảo Thông tư quy định rất chi tiết về mức độ đáp ứng về công nghệ xử lý, trong đó yêu cầu “công nghệ phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận, thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khuyến khích áp dụng tại Việt Nam theo quy định hiện hành…”  Rà soát, cân nhắc việc quy định và đánh giá các nội dung này trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương dầu tư thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với thực tiễn. | Bộ Tài chính | Tiếp thu một phần  Đây là nội dung cần thiết, đặc thù cho hoạt động xử lý chất chất thải rắn sinh hoạt. |
| Điểm đ khoản 1 Điều 7 |  | Dây chuyền công nghệ phù hợp với sơ đồ công nghệ tổ hợp: phân loại - xử lý các thành phần chất thải rắn sau phân loại - xử lý chất thải thứ cấp; Tỷ lệ chất thải đem chôn lấp (kể cả phần tro xỉ sau đốt): ≤ 5% tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến nhà máy  Việc quy định tỷ lệ chất thải đem chôn lấp (kể cả phần tro xỉ sau đốt): ≤ 5% tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt là tương đối thấp, khó thực hiện; đề nghị chỉnh sửa ≤ 20% | UBND tỉnh Thanh Hóa | Tiếp thu một phần Tỷ lệ chất thải đem chôn lấp (kể cả phần tro xỉ sau đốt): ≤ 10 % tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến nhà máy.  Mục tiêu thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải. |
| Khoản 1 Điều 7 |  | Khoản 1 Điều 7 về chỉ số đánh giá công nghệ:  + Tại điểm b có nêu: “Công nghệ phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận, thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khuyến khích áp dụng tại Việt Nam theo quy định hiện hành (công nghệ đốt thu hồi năng lượng phải phân loại hoặc không phải phân loại chất thải rắn sinh hoạt, hoặc phương án kết hợp các công nghệ cùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt: ủ, đốt, chôn lấp) và nhà đầu tư (sau đây gọi là NĐT) tự chịu trách nhiệm với phương án đề xuất cho từng loại công nghệ”.  Đề nghị bỏ dòng trong ngoặc (công nghệ đốt thu hồi năng lượng phải phân loại hoặc không phải phân loại chất thải rắn sinh hoạt, hoặc phương án kết hợp các công nghệ cùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt: ủ, đốt, chôn lấp), không nêu cụ thể công nghệ để tránh hạn chế thầu. | UBND thành phố Hà Nội | Tiếp thu  Bỏ nội dung (công nghệ đốt thu hồi năng lượng phải phân loại hoặc không phải phân loại chất thải rắn sinh hoạt, hoặc phương án kết hợp các công nghệ cùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt: ủ, đốt, chôn lấp), không nêu cụ thể công nghệ |
|  |  | **+** Tại điểm e có nêu: **“**Mức độ phù hợp của các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ so với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (viết tắt là QCVN) hoặc tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam (viết tắt là TCVN) hoặc tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường”.  Như vậy chỉ cần đáp ứng 1 trong 3 (QCVN, TCVN, G7) là đủ. Do vậy đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại nội dung này (quy định nào là bắt buộc, quy định nào mang tính chất khuyến khích). | Hà Nội | - Tiếp thu một phần;  - Chỉ cần đạt 1 trong 3 tiêu chí là được;  - Khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn của các nước G7 |
|  |  | + Tại điểm g có nêu: “Tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau thu gom, xử lý”.  Đề nghị bổ sung định lượng tối thiểu bao nhiêu % nước thải sau thu gom, xử lý được tái sử dụng tuần hoàn.  - Khuyến khích tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau thu gom, xử lý. | UBND thành phố Hà Nội,  Sở NN&NT tỉnh Nghệ An | Tiếp thu một phần.  - Tùy thuộc vào mỗi loại công nghệ để có đánh giá nhu cầu sử dụng nước;  - Khuyến khích tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau thu gom, xử lý. |
| Điều 7 |  | - Điểm b khoản 1: đề nghị cân nhắc sửa thành “Khuyến khích công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, đánh giá, chứng nhận (công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khuyến khích áp dụng tại Việt Nam) theo quy định pháp luật hiện hành; nhà đầu tư (sau đây gọi là NĐT) tự chịu trách nhiệm với phương án đề xuất cho từng loại công nghệ. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiếp thu |
| - Điểm đ khoản 1: đề nghị cân nhắc sửa thành “Dây chuyền công nghệ phù hợp với sơ đồ công nghệ tổ hợp: phân loại - xử lý các thành phần chất thải rắn sau phân loại - xử lý chất thải thứ cấp; khuyến khích tỷ lệ chất thải đem chôn lấp (kể cả phần tro xỉ sau đốt): ≤ 5% tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến nhà máy”. | Tiếp thu một phần |
| - Điểm f khoản 1: đề nghị cân nhắc sửa thành “g) Máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ được thiết kế đáp ứng các điều kiện về an toàn và môi trường, tự động hóa để giảm thiểu sử dụng lao động thủ công; có khả năng kết nối mở rộng, nâng cấp, đáp ứng kỹ thuật để đảm bảo chất lượng, số lượng sản phẩm và tuổi thọ phù hợp với dự án; có phương án bảo dưỡng, bảo trì phù hợp với địa phương”. | Tiếp thu |
| - Điểm g khoản 1: đề nghị cân nhắc sửa thành “h) Tuần hoàn tái sử dụng toàn bộ nước thải sau thu gom, xử lý”. | Đề nghị giữ nguyên, tuần hoàn toàn bộ phụ thuộc công nghệ và nhu cầu sử dụng nước. |
|  | bổ sung 02 tiêu chí mới vào Điều 7 | - Công nghệ, tích hợp hệ thống thu hồi nước rỉ rác, đảm bảo kín, áp suất âm và khử mùi.  - Công nghệ được chứng minh đã áp dụng thành công tại ít nhất một khu vực có đặc điểm chất thải tương tự (kèm theo báo cáo kết quả vận hành). | Bộ Khoa học và Công nghệ | - Tiếp thu một phần và chỉnh sửa:  - Công nghệ, tích hợp hệ thống thu hồi nước rỉ rác, đảm bảo kín, áp suất âm và khử mùi.  - Công nghệ xử lý CTRSH được chứng minh đã áp dụng thành công tại ít nhất một dự án, cơ sở (kèm theo báo cáo kết quả vận hành). |
| Điều 8 |  | - Điều 8 (trang 5): bổ sung cụ thể thời gian trích khấu hao tài sản phù hợp với đặc thù lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  Lý do: (1) Đặc thù của ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường, luôn phải làm việc trong môi trường có tính ăn mòn cao, các máy móc vận hành hư hỏng nhanh; (2) Tại mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, trong đó có quy định khung thời gian trích khấu hao đối với máy móc, thiết bị một số ngành nghề đặc thù (sản xuất các loại hoá chất, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm…) nhưng không quy định thời gian trích khấu hao tài sản đặc thù đối với lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường. | Sở NN&MT Hải Phòng | Tiếp thu và trích dẫn tham chiếu theo quy định. |
| Khoản 1 Điều 8 |  | Quy định thời gian trích khấu hao đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BLT căn cứ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Đối với các loại hợp đồng khác, trong trường hợp cần xác định thời gian trích khấu hao, thời gian trích khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư công trình của nhà đầu tư.  Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường làm rõ căn cứ của việc quy định của thời gian trích khấu hao công trình của dự án áp dụng loại hợp đồng BLT khác so với các loại hợp đồng còn lại.  Ngoài ra, đề nghị cập nhật Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2026 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. | Bộ Tài chính | Do đây là thông tư hướng dẫn dự án BLT, BTL, bỏ khoản 2 Điều 8.  Tiếp thu và sửa đổi trích dẫn |
| Điều 11 |  | Tại Điều 11 (Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm): đang tham chiếu đến Phụ lục I và Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT, tuy nhiên không nêu rõ tiêu chí tối thiểu về kinh nghiệm (ví dụ: số năm hoạt động, số dự án tương tự đã thực hiện..). Do đó, đề nghị cân nhắc bổ sung các tiêu chí tối thiểu và kinh nghiệm vào dự thảo Thông tư. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Đề nghị giữ nguyên với lý do:  - Việc yêu cầu số năm tối thiểu sẽ dẫn đến một số trường hợp không có nhà thầu đáp ứng được yêu cầu. Hơn nữa, trong một số trường hợp, nhà thầu có thể áp dụng công nghệ mới, tiên tiến nhưng không có nhiều năm kinh nghiệm so với nhà thầu có kinh nghiệm nhưng công nghệ không tốt hơn nhà thầu có công nghệ tốt hơn.  - Việc lựa chọn nhà đầu tư/nhà thầu theo nguyên tắc chấm điểm, bên nào có điểm cao nhất sẽ ưu tiên lựa chọn đầu tiên, trong đó số năm kinh nghiệm đã được đưa ra. |
| Khoản 2 Điều 15 |  | - Khoản 2 Điều 15. Giá sản phẩm, dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong hợp đồng dự án PPP (trang 10): Bổ sung thêm các căn cứ sau:  (1) Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).  (2) Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.  (3) Khoản 13 và khoản 15 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  (4) Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá. | UBND thành phố Hà Nội  Sở NN&MT Hải Phòng | Tiếp thu |
|  |  | Về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại:  Khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường: 5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;  Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023 quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, trong đó có “dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt” do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, có ưở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.  Ngoài ra, thực tiễn một số địa phương đề xuất dự án PPP có mục tiêu xử lý chất thải rắn và đốt rác có thu hồi năng lượng. Tuy nhiên, địa phương gặp vướng mắc xác định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác có thu hồi năng lượng.  Do vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ trong phương án tài chính của dự án PPP, trong đó gồm dự án có mục tiêu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đốt rác có thu hồi năng lượng. | Bộ Tài chính | - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã ban hành Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  Ngoài ra, Nghị định phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường đã giao UBND cấp tỉnh ban hành ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.  Lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ  Tại ĐKCT 42 quy định “Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng, Điều 65 Luật PPP, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này.” Vì vậy, lộ trình điều chỉnh giá do 2 bên thương thảo để đưa ra. Thông tư hướng dẫn không quy định cụ thể nội dung này. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương IV. Mẫu hợp đồng dự án PPP** | | | | |
| Khoản 2 Điều 14 |  | 1. Theo Khoản 2 Điều 14 dự thảo Thông tư có nêu *“Hợp đồng BLT áp dụng cho các dự án PPP lĩnh vực rác thải sinh hoạt thực hiện theo cơ chế Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Mẫu hợp đồng BLT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Hướng dẫn này”*.  Tại Khoản 3 Điều 14 dự thảo Thông tư có nêu *“Đối với các loại hợp đồng còn lại, bên mời thầu có thể tham khảo các nội dung phù hợp tại Phụ lục IV Hướng dẫn này để xây dựng mẫu loại hợp đồng trong HSMT đảm bảo phù hợp với loại hợp đồng, tính chất đặc thù của từng dự án và quy định của pháp luật có liên quan”.*  Tuy nhiên, tại Điều 2 Dự thảo Thông tư xác định đối tượng áp dụng thông tư là “*lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt”*. Do đó, cần điều chỉnh nội dung Khoản 2 Điều 14 dự thảo Thông tư như sau *“Hợp đồng BLT áp dụng cho các dự án PPP lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo cơ chế Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Mẫu hợp đồng BLT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Hướng dẫn này”* và bỏ nội dung Khoản 3 Điều 14 dự thảo Thông tư. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Tiếp thu, chỉnh sửa thành:  “Hợp đồng BLT, BTL áp dụng cho các dự án PPP lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo cơ chế Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Mẫu hợp đồng BLT, BTL thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Hướng dẫn này” |
|  |  | Tại Mục 41.3 thuộc Điều 41 Phụ lục IV.2 Điều kiện chung của Hợp đồng dự án *(trang 29 Phụ lục V.2)* có nêu: Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải được quy định tại ĐKCT. Đề nghị có thêm quy định về có tính hoặc không tính giá nguyên liệu sản xuất chính đầu vào của nhà máy là CTRSH, trong đó bao gồm: giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH đến vị trí tiếp nhận CTRSH của Nhà máy XLCTRSH. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | - Tiếp thu một phần, Thông tư chỉ tập trung vào hợp đồng xử lý CTRSH.  - Hoạt động thu gom, vận chuyển thông thường được thực hiện qua gói thầu dịch vụ khác (theo luật Đấu thầu cung cấp dịch vụ công và được đấu thầu hàng năm hoặc giai đoạn). Vì vậy không đưa vào hợp đồng PPP mang tính dài hạn |
|  |  | Tại Điều 45 Phụ lục IV.2 Điều kiện chung của Hợp đồng dự án *(trang 30 Phụ lục IV.2)* có quy định về Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng. Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định về cơ chế chia sẻ về rủi ro lợi nhuận giảm để phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Điều 82 Luật PPP chỉ quy định Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu cho các dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BOO. Vì vậy, dự thảo thông tư không quy định cơ chế chia sẻ rủi ro cho dự án BLT, BTL. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Tại Mục XXIV Phụ lục IV.2 *(trang 39 Phụ lục IV.2)* có Quy định về Sửa đổi Hợp đồng do quy hoạch, chính sách, pháp luật thay đổi. Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định để áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất thay đổi công nghệ hoặc điều chỉnh quy hoạch để xây dựng bổ sung hạng mục công trình không có trong quy hoạch dự án. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Điều 24 Luật PPP quy định các trường hợp được điều chỉnh dự án PPP; không có trường hợp nhà đầu tư đề xuất thay đổi hoặc điều chỉnh quy hoạch bổ sung. Theo đó, dự thảo thông tư không đưa vào. |
|  |  | - Tại phần *“Ghi chú”* mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư (trang 14): làm rõ, hướng dẫn cách xác định “*tiêu chuẩn chi tiết cơ bản”* và *“tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản”.* | Sở NN&MT thành phố Hải Phòng | Giải trình như sau:  a) Việc phân loại “tiêu chuẩn chi tiết cơ bản” và “tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản” trong tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật cần được căn cứ theo tính chất, mục tiêu ưu tiên và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng dự án. Do đó, văn bản hướng dẫn chung không đưa ra danh mục cứng mà trao quyền cho cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ mời thầu căn cứ xác định. Tuy nhiên, để thuận tiện trong triển khai, có thể hướng dẫn nguyên tắc xác định như sau:  - Các tiêu chuẩn chi tiết có thể phân thành nhóm các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản và nhóm các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản đảm bảo nhóm các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản (các tiêu chí kỹ thuật, năng lực hoặc kinh nghiệm bắt buộc phải đạt để đảm bảo mục tiêu chính của dự án, ví dụ như: đảm bảo công nghệ xử lý đạt quy chuẩn môi trường, đáp ứng công suất tối thiểu thiết kế, hoặc năng lực tài chính để đảm bảo triển khai dự án), chiếm 70% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó;  - Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản (ví dụ như các tiêu chí nhằm khuyến khích nhà đầu tư nâng cao chất lượng hoặc hiệu quả triển khai nhưng không bắt buộc, và không ảnh hưởng đến tính khả thi cốt lõi của dự án, ví dụ: cam kết sử dụng năng lượng tái tạo, mức độ tự động hóa cao…), chiếm 30% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó.  Khi đó các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt, chấp nhận được. Tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. |
| **Chương V. Tổ chức thực hiện** | | | | |
|  |  | Đề nghị bổ sung điều khoản chuyển tiếp cho các dự án đã và đang triển khai trước thời điểm Thông tư có hiệu lực. | Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng | Điều 101 Luật PPP (Luật số 64/2020/QH14); Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 (Luật số 57/2024/QH15); Điều 2 Nghị định 71/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Nghị định 35/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã quy định chuyển tiếp đã quy định cụ thể các trường hợp chuyển tiếp.  Do đó dự thảo Thông tư không quy định các điều khoản này. |
| **Nội dung khác** | | | | |
|  |  | Hiện nay Chính phủ đang lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT để hoàn chỉnh và ban hành, do đó đề nghị nghiêu cứu tổng hợp để nội dung Thông tư hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi ban hành phù hợp với quy định của Nghị định. |  | Sẽ rà soát, hoàn thiện đảm bảo dự thảo Thông tư đồng bộ sau khi Nghị định này được ban hành. |
|  |  | dự án 20 năm hoặc 15 năm theo hợp đồng |  | Đã nêu rõ tại (trang 23) Điều 4. Thời hạn hợp đồng: Thời hạn hợp đồng là \_\_\_\_\_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định của HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]. |
|  |  | **VEF** |  | VGF là viết tắt của Viability Gap Fund hoặc Viability Gap Funding, tức là Quỹ hỗ trợ khả thi tài chính (trong Luật PPP được gọi là vốn nhà nước) và đã được quy định tại Điều 13 (trang 9), và VIII. VỐN NHÀ NƯỚC CHI TRẢ DỊCH VỤ, HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG (TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG) trang 28, và nhiều điều khác  VGF là một cơ chế tài trợ từ phía Chính phủ nhằm hỗ trợ tài chính một phần cho các dự án PPP có hiệu quả kinh tế – xã hội cao nhưng không đủ hấp dẫn tài chính để khu vực tư nhân đầu tư nếu không có hỗ trợ.  Khoản 2 điều 69 (Khoản này được sửa đổi bởi Điểm c Khoản 16 Điều 3 Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 có hiệu lực từ ngày 15/01/2025) quy định “Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này.” |
|  |  | **Cam kết lượng rác tối thiểu** |  | Doanh thu trong phương án tài chính:  22.1. Mức doanh thu theo các thời hạn do các bên thỏa thuận được quy định tại ĐKCT.  22.2. Đồng tiền được áp dụng để xác định doanh thu được quy định tại ĐKCT.  ĐKCT 22.1 Căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này.  ĐKCT 22.2 Căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này. |